

Bản án số: 03/2022/DS-PT

Ngày 19/01/2022

“*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Viết Nam;

Bà Đoàn Thị Kim Thương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2021/QĐPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Đình Q, sinh năm 1938; địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Đình Q là: Ông Lê Đình P, sinh năm 1972, địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 03/8/2020 của ông Lê Đình Q).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Đình Q: Ông Lê Tấn P, Luật sư của Văn phòng Luật sư T2; địa chỉ: 11B Nguyễn Chí T3, thành phố Đ, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1950; địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng độc lập: Ông Lê Thọ H, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Lê Đình T, sinh năm 1938; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Lê Đình C, sinh năm 1972; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1936; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Lê Đình V, sinh năm 1970; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Bùi Nguyên L, sinh năm 1953; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Lê Thọ V, sinh năm 1953; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Lê Thọ H, sinh năm 1972; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Lê Đình K, sinh năm 1965; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Lê Đình Đông T, sinh năm 1965; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Lê Đình P, sinh năm 1943; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Lê Đình D, sinh năm 1948; đại chỉ: thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/1998, hộ bà Lê Thị V (là mẹ chồng của bà T) được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số L 839705 gồm 09 thửa đất với tổng diện tích là 2.747m² đất tại xã T1, huyện T, trong đó có thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 với diện tích là 1.701m², sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm khác. Ngày 17/12/2008, hộ bà Lê Thị V đã tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 với diện tích là 1.701m² cho vợ chồng ông Lê Đình Hoà và bà Nguyễn Thị T (là con đẻ và con dâu). Ngày 09/4/2010, UBND huyện T đã công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà T và ông H, GCNQSDĐ số BA 646010 tại thửa số 218, tờ bản đồ số 10 với diện tích là 1.701m² đất để trồng cây hàng năm tại thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 01/9/2010, chồng bà T là ông H chết, trước đó ông đã lập di chúc để lại cho bà T được toàn quyền sử dụng phần đất này. Sau đó bà T đã làm đầy đủ thủ tục thừa kế đất đai tại UBND huyện T và đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện T (VPĐKĐĐ) chỉnh lý lại trang 03 của GCNQSDĐ số BA 646010, theo chỉnh lý này thì bà T được toàn quyền sử dụng toàn bộ thửa đất này và bà T đã sử dụng trồng cây từ đó cho đến nay. Đầu năm 2017, ông Lê Đình Q là người sử dụng đất liền kề với bà T đã tự ý lấn chiếm một phần đất của bà T để trồng chuối và dựng 04 trụ điện trên đất của bà T, diện tích ông Q lấn chiếm của bà T khoảng 700m². Trong lúc Toà án đang giải quyết vụ án thì ông Q tuyên bố toàn bộ phần đất đã cấp GCNQSDĐ cho bà T 1.701m² là đất của ông, ông không cho bà T tiến hành canh tác trên toàn bộ diện tích đất này nên bà T đã rút đơn khởi kiện và Toà án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó bà T khởi kiện lại vụ án và yêu cầu Toà án buộc ông Lê Đình Q và vợ ông Q là bà Hoàng Thị M tháo dỡ 04 trụ điện đã dựng trên phần đất của bà và T hồi toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại toàn bộ diện tích đất 1.645m² cho bà T. Đối với 56m² đất (1.701m² – 1.645m²) do hàng tre của nhà ông Lê Thọ H lấn sang đất bà T nên bà T có đơn rút phần này vào ngày 06/5/2021 (BL121). Vì vậy hiện tại bà T chỉ yêu cầu Toà án buộc ông Lê Đình Q, bà Hoàng Thị M phải trả lại cho bà T phần diện tích đất là 1.645m², tháo dỡ 04 trụ điện và T hồi toàn bộ cây hoa màu trồng trên phần đất của bà T.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Đình Q là ông Lê Đình P trình bày:

Mảnh đất bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bố mẹ ông Phước là ông Q và bà Mai trả lại là đất canh tác nông nghiệp được sử dụng trồng lúa và hoa màu từ năm 1975 cho đến năm 1976. Vào năm 1976, thực hiện chủ trương toàn dân đoàn kết, lấy bớt đất của người nhiều tạm chia cho người không có đất hoặc ít đất, bố mẹ ông Phước đã đồng ý tạm chia cho bà Lê Thị V là mẹ chồng của bà T 750m² đất để tạm canh tác, phần diện tích đất còn lại bố mẹ ông Phước vẫn trồng lúa và hoa màu từ đó cho đến nay. Phần diện tích đất đang có tranh chấp do bố mẹ ông Phước trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Hiện tại, bố mẹ ông Phước có dựng 04 trụ điện để kéo điện sáng vào nhà và trồng chuối. Nay bố mẹ ông Phước không đồng ý trả lại toàn bộ diện tích đất 1.701m² đất nói trên cho bà T; ông Phước đề nghị Toà án xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ ông Phước với toàn bộ diện tích thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10, tại thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị; Huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện T cấp cho bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M trình bày: bà đồng ý với ý kiến của con bà là Lê Đình P người được ông Q, chồng của bà Mai uỷ quyền tham gia tố tụng đã trình bày ở trên, bà không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng trình bày: Ý kiến của những người làm chứng đều có chung nội dung là trước năm 1975 họ có thấy gia đình ông Q sản xuất lúa trên thửa đất đang tranh chấp. Ngoài ra họ không biết gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của TAND huyện T đã quyết định xử:

1. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 10 Điều 12, khoản 5 và khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UNBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị M trả lại toàn bộ diện tích đất 1.645m² cho bà Nguyễn Thị T, tháo dỡ 04 trụ điện đã dựng trên đất và T hồi toàn bộ cây trồng trên đất của bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 tại thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ranh giới thửa đất được xác định như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lê Thọ H và đường đất; phía Nam giáp đất ông Lê Đình Q; phía Tây giáp đường đất; phía Đông giáp đất ông Lê Thọ H (kèm theo sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện T được Tòa án thẩm định ngày 14/7/2020).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất 56m² mà bà T đã khởi kiện ông Lê Đình Q (do 56m² đất này chồng lấn giữa đất bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thọ H).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2021 bị đơn là ông Lê Đình Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T với nội dung:

Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10, tại địa chỉ thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị cho ông Lê Đình Q.

Yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa: Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm không T thập đầy đủ, tài liệu chứng cứ; GCNQSDĐ cấp cho nguyên đơn đã hết thời hạn sử dụng. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đình Q, sửa Bản án sơ

thẩm số 08/2021/DSST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất thực tế mà ông Q đang sử dụng lấn chiếm của bà T theo kết quả tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T là 1502m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Đình Q là bị đơn làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn phù hợp với các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị M trả lại toàn bộ diện tích đất 1.645m² mà ông Q đã lấn chiếm, tháo dỡ toàn bộ 04 trụ điện và T hồi toàn bộ cây đã trồng trên đất của bà T. Ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị M không đồng ý với yêu cầu của bà T. Căn cứ khoản 9 Điều 26 BLTTDS, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình Q về yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm do chưa xác minh làm rõ tình trạng sử dụng đất của hộ bà Lê Thị V, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về T thập tài liệu chứng cứ: Xem xét nguồn gốc đất, ngày 02/11/1998, hộ bà Lê Thị V (là mẹ chồng của bà T) được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số L 839705 gồm 09 thửa đất với tổng diện tích là 2.747m² đất tại thôn Phước Mỹ, xã T1, huyện T, trong đó có thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 với diện tích là 1.701m² đất. Ngày 17/12/2008, hộ bà V đã tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 với diện tích là 1.701m² cho vợ chồng ông Lê Đình Hoà và bà Nguyễn Thị T (là con đẻ và con dâu). Ngày 09/4/2010, UBND huyện T đã công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà T, ông H theo GCNQSDĐ số BA 646010. Ngày 01/9/2010, chồng bà T ông H chết, trước đó ông H đã viết di chúc để lại cho bà T được toàn quyền sử dụng thửa đất này. Sau đó, bà T đã làm đầy đủ thủ tục thừa kế đất đai tại UBND huyện T và đã được VPĐKĐĐ chỉnh lý tại trang số 3 của GCNQSDĐ số BA 646010. Theo chỉnh lý này, bà T được toàn quyền sử dụng thửa đất nêu trên một cách hợp pháp.

Ngày 17/8/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại UBND xã T1 cho thấy: Việc hộ gia đình bà Lê Thị V (mẹ chồng bà Nguyễn Thị T) được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 tại thôn P, xã T1 là dựa trên

cơ sở thực hiện chủ trương của nhà nước về việc xáo trộn (xáo lại ruộng đất) để chia theo khẩu cho công bằng, do đó đất của nhiều hộ trong thôn P1 (nay là thôn P) bị hoán đổi quyền sử dụng, trong đó có đất của hộ gia đình ông Lê Đình Q và bà Lê Thị V. Thời gian thực hiện việc xáo trộn là trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến năm 1994, sau đó hoàn thiện bản đồ địa chính, đến năm 1998 UBND huyện T mới cấp được giấy chứng nhận cho các hộ (BL 131).

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, TAND tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2021/QĐ-CCTLCC yêu cầu VPĐKĐĐ cung cấp Bản sao hợp lệ hồ sơ cấp đất của hộ bà Lê Thị V. Ngày 24/11/2021, VPĐKĐĐ cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan bao gồm: 09 Bản sao y bản đồ địa chính năm 1998 liên quan đến 09 thửa đất cấp cho hộ bà Lê Thị V, trong đó có tờ bản đồ số 10 thửa 218 diện tích 1710m² đất; 01 Bản sao y sổ mục kê đất của xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị năm 1998; 01 Bản sao y GCNQSDĐ của Hộ bà Lê Thị V; 01 Bản sao y Quyết định của UBND huyện về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/11/1998 của UBND huyện T đính kèm danh sách các chủ sử dụng đất.

Ngày 20/12/2021, TAND tỉnh ban hành công văn số 294/CV-TA gửi VPĐKĐĐ yêu cầu trả lời về sự khác biệt về việc đánh số tờ bản đồ, số thửa, diện tích đất thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất số 40/ĐCLBĐ với các tài liệu do Tòa án tỉnh T thập được. Ngày 27/12/2021, VPĐKĐĐ có công văn phúc đáp số 960/CNVPĐKĐĐ với nội dung: *“Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 10 được UBND huyện T cấp GCN số L 839705, theo hệ tọa độ HN-72, với diện tích 1710m², nay được đo đạc lại là thửa 09, tờ bản đồ số 12, theo hệ tọa độ VN2000”*.

[3.2] Về nội dung kháng cáo: thời hạn sử dụng đất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đến tháng 10/2016 đã hết hạn. HĐXX xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Luật Đất đai thì khi hết thời hạn sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận QSDĐ thì thời hạn sử dụng đất được tính lại theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai: *“Khi hết hạn, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nếu có nhu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản này”*.

HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện về nguồn gốc đất, làm việc với chính quyền địa phương, thẩm định tại chỗ, lấy lời khai của những người làm chứng; Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã T thập thêm các tài liệu chứng cứ mới. Tuy nhiên, trên cơ sở các chứng cứ T thập được đều chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ngoài ra, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 14/07/2020 và Sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất của VPĐKĐĐ ngày 16/4/2021 đã xác định lại ranh giới hiện trạng sử dụng đất tại thửa 218 (nay là thửa số 09) là 1502m² và Ranh giới theo giấy chứng nhận đã cấp cho chủ sử dụng đất tại thửa 218 (nay là thửa số 09) là 1701m². Nguyên đơn là bà T đã không yêu cầu xem xét phần diện tích 56m² nằm chồng lấn

lên phần đất của ông Lê Thọ Hòa và yêu cầu xem xét toàn bộ phần đất còn lại của bà theo như giấy chứng nhận đã cấp. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy không chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn là ông Lê Đình Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Lê Đình Q sinh năm 1938, Tộc trưởng hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm. Vì vậy hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí cho ông Lê Đình Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị.

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 10 Điều 12, khoản 5 và khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UNBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị M trả lại toàn bộ diện tích đất 1.645m² cho bà Nguyễn Thị T, tháo dỡ 04 trụ điện đã dựng trên đất và T hồi toàn bộ cây trồng trên đất của bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12 tại thôn P, xã T1, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ranh giới thửa đất được xác định như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lê Thọ H và đường đất; phía Nam giáp đất ông Lê Đình Q; phía Tây giáp đường đất; phía Đông giáp đất ông Lê Thọ H (kèm theo sơ đồ hiện trạng ranh giới sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện T được Tòa án thẩm định ngày 14/7/2020).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lê Đình Q phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.826.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Đình Q được miễn 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0004582 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Trị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đình Q được miễn 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện T;
- Sở Tư pháp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thiết Hùng